TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S.D** **TỈNH T.Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2022/HS-ST
Ngày: 10/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hùng

2. Ông Phạm Văn Vượng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2022/TLST- HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/HSST-QĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

V.V.T, sinh ngày 10/8/1986 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi cư trú: Thôn C, xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: V.C.C, sinh năm 1952; con bà: H.T.N, sinh năm 1959; Vợ: L.T.M, sinh năm 1993; Có 02 con: Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Anh, chị, em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ tư.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh V.V.K, sinh năm 1990; trú tại: Thôn L.M, xã Đ.T, huyện S.D, tỉnh T.Q.

2. Anh T.V.S, sinh năm 1996; trú tại: Thôn Đ.M, xã T.Y, huyện S.D, tỉnh T.Q.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2018, V.V.T mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại thôn C, xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ngày 02/04/2022 T đang ở tại nhà thì nhận được điện thoại từ số 0972.496.517 của V.V.K, trú tại thôn L.M, xã Đ.T, huyện S.D, tỉnh T.Q liên hệ đến để cầm cố 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Inova loại xe ô tô 08 chỗ ngồi, màu sơn bạc, biển số 30A - 282.40 (do K mua lại của anh Lưu Thành Trung, sinh năm 1979, trú tại tổ 13, phường Tân Quang, thành Phố T.Q vào ngày 26/3/2021). K nói với T đang muốn thế chấp xe để vay 100.000.000 đồng lấy vốn đi mua đồi cây keo khai thác. Nói chuyện xong T đồng ý cho K cầm cố chiếc xe ô tô trên để vay số tiền 100.000.000 đồng và cùng thống nhất thỏa thuận lãi suất vay tiền là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Với hình thức trả lãi cứ 10 ngày phải trả lãi một lần với số tiền 5.000.000 đồng, và trả lãi bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của T số 7719863456789 do T mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB) hoặc chuyển tiền vào tài khoản số 810120511169681 của T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank). Sau khi thỏa thuận, K đồng ý vay tiền với lãi suất như trên. Sau đó T yêu cầu K viết 01 giấy biên nhận kiêm hợp đồng vay tiền, trong giấy biên nhận T yêu cầu K phải viết số tiền vay là 105.000.000 đồng (thực tế T chỉ cho K vay số tiền 100.000.000 đồng) với lý do viết như vậy để nếu K không thực hiện trả tiền lãi đúng theo thỏa thuận thì K phải trả thêm số tiền 5.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền gốc. Trong giấy biên nhận T chỉ yêu cầu K ghi ngày vay tiền không ghi thời gian phải trả nợ và không ghi lãi suất vay. Sau khi viết xong giấy tờ K đưa cho T giữ và T đưa cho K số tiền mặt là 80.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng T chuyển khoản vào số tài khoản 1027070616 của K mở tại ngân hàng Vietcombank. K phải đưa cho T các loại giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; 01 giấy mua bán xe ô tô; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô; 01 chứng minh nhân dân mang tên V.V.K.

Sau khi vay tiền của T trong thời gian từ ngày 02/04/2022 đến ngày 29/06/2022, K thực hiện chuyển tiền để trả lãi và gốc cho T tất C 08 lần gồm: 05 lần chuyển tiền vào tài khoản 7719863456789 của T mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB); 02 lần chuyển tiền vào số tài khoản 81012051169681 của T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) và 01 lần chuyển tiền vào số tài khoản 8101610041996 của T.V.S, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ.M, xã T.Y, S.D, T.Q (lý do K chuyển tiền cho Sỹ vì trước đó T vay tiền của Sỹ nên khi K trả thì T gửi số tài khoản của Sỹ cho K và bảo K chuyển tiền 5.000.000 đồng cho Sỹ để trả nợ cũ).

Cụ thể các lần K chuyển trả tiền lãi và gốc cho T như sau:

+ Ngày 11/4/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 21/4/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 02/5/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 12/5/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 21/5/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 02/6/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 12/6/2022 chuyển trả lãi số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 29/6/2022 chuyển trả gốc số tiền 5.000.000 đồng.

Còn tiền lãi kể từ ngày 10/6/2022 đến ngày 19/6/2022 là ngày K phải trả đợt tiền lãi tiếp theo cho T, do không muốn K vay tiền lâu mà trả lãi qua tài khoản ngân hàng sẽ bị Cơ quan Công an phát hiện việc cho vay lãi cao, nên T yêu cầu K phải đến trực tiếp cửa hàng của T để trả tiền lãi. Do thời gian này K đang bận đi làm ăn xa nên chưa thể về trả lãi trực tiếp được cho T, nên K hẹn với T khi nào K về sẽ lên nhà T trả hết cho T tiền gốc và tiền lãi. Đến ngày 28/6/2022 T biết được thông tin Công an huyện S.D đang tiến hành xác minh về việc cho vay tiền lấy lãi cao của T, nên T đã gọi điện cho K và nói "*từ nay về sau K phải trả tiền gốc còn tiền lãi thì trả theo lãi suất ngân hàng*". Trong thời gian từ ngày 02/4/2022 đến ngày 12/6/2022 (chu K trả lãi 10 ngày/01 lần, thời điểm tính lãi đến ngày 10/6/2022 là 70 ngày), K đã chuyển cho T số tiền lãi là 35.000.000 đồng.

Ngày 06/7/2022 Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện S.D có Công văn số 519/CV-CQĐT về việc đề nghị Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh T.Q phối hợp xác định lãi suất và số tiền thu lời bất chính đối với việc V.V.T cho V.V.K vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/ngày, T thu tiền lãi của K tổng số tiền 35.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 02/4/2022 đến ngày 10/6/2022. Ngày 08/7/2022 Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh T.Q có Văn bản số 728/TQU-TTGS về việc phối hợp xác định tiền lãi và số tiền thu lời bất chính, xác định: Đối với lãi suất bằng đồng Việt Nam trong hợp đồng cho vay giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng (cho vay dân sự) theo Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, quy định về lãi suất vay như sau:

" *1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực."

Từ ngày 02/4/2022 đến ngày 10/6/2022 (70 ngày), V.V.T đã cho V.V.K vay với mức lãi suất nếu áp dụng theo cách tính lãi của Tổ chức tín dụng với khách hàng quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 là:

$$\text{Lãi suất tính lãi} = \frac{35.000.000 \times 365}{100.000.000 \times 70} \times 100 = 182,5\%/\text{năm}$$

Như vậy, V.V.T đã cho V.V.K vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian từ ngày 02/4/2022 đến ngày 10/6/2022 (70 ngày) với mức lãi suất 5.000

đồng/triệu/ngày cao gấp **9,1** lần so với lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và V.V.T đã thu lời bất chính số tiền **31.164.384** đồng. Số tiền lãi theo quy định mà T được thu tối đa của K là **3.835.616** đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện S.D đã tạm giữ:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova biển số 30A - 242.80 loại xe 08 chỗ ngồi, màu sơn ghi bạc biển số 30A - 242.80 kèm theo 02 chìa khóa xe ô tô.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trắng, bên trong lắp 02 sim điện thoại, điện thoại bị vỡ phần kính sau lưng máy của V.V.T.

+ 01 Căn cước công dân số 0080686006816 mang tên V.V.T.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020031 ngày 09/09/2014 của xe ô tô 30A-242.80 mang tên Nguyễn Đình Nam.

+ 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5806277 của xe ô tô biển số 30A-242.80

+ 01 chứng minh nhân dân số 070863935 mang tên V.V.K

+ 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0120146 của xe ô tô biển số 30A-242.80 cấp ngày 16/01/2020

+ 01 giấy bán xe ô tô đề ngày 26/3/2021 giữa anh Lưu Thành Trung và V.V.K

+ 01 giấy biên nhận hợp đồng vay tiền đề ngày 02/4/2022 giữa V.V.T với V.V.K.

+ Số tiền 35.000.000 đồng là tiền lãi do V.V.T thu của V.V.K.

+ Số tiền 60.000.000 đồng do V.V.K giao nộp (là số tiền gốc K vay của T, còn lại 35.000.000 đồng K chưa giao nộp).

+ 12 tờ giấy A4 in ảnh chụp màn hình điện thoại của V.V.K liên quan đến nội dung giao dịch vay tiền và trả lãi với V.V.T.

* Ngày 18/7/2022, Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện S.D đã trả lại cho anh V.V.K là chủ sở hữu hợp pháp của các tài sản gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova biển số 30A - 242.80 loại xe 08 chỗ ngồi, màu sơn ghi bạc biển số 30A - 242.80 kèm theo 02 chìa khóa xe ô tô.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020031 ngày 09/09/2014 của xe ô tô 30A-242.80 mang tên Nguyễn Đình Nam.

+ 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5806277 của xe ô tô biển số 30A-242.80.

+ 01 chứng minh nhân dân số 070863935 mang tên V.V.K.

+ 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0120146 của xe ô tô biển số 30A-242.80 cấp ngày 16/01/2020.

+ 01 giấy bán xe ô tô đề ngày 26/3/2021 giữa anh Lưu Thành Trung và V.V.K.

Cáo trạng số 110/CT-VKSSD, ngày 05/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố: V.V.T về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo V.V.T về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V.V.T từ 07 tháng đến 10 tháng Ci tạo không giam giữ. Không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho bị cáo V.V.T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trắng, bên trong lắp 02 sim điện thoại, điện thoại bị vỡ phần kính sau lưng máy của V.V.T; 01 Căn cước công dân số 0080686006816 mang tên V.V.T.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền thu lãi đúng quy định 3.835.616đ và 60.000.000đ tiền gốc do anh V.V.K nộp.

+ Truy thu của bị cáo T 5.000.000đ và 35.000.000đ của anh V.V.K để sung quỹ nhà nước.

+ Trả cho anh V.V.K số tiền thu lãi vượt quá là 31.164.384đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo nộp tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và người liên quan theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối Ci về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo V.V.T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 02/4/2022, tại thôn C, xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q, V.V.T, đã cho V.V.K, sinh năm 1990, trú tại thôn L.M, xã Đ.T, huyện S.D, tỉnh T.Q vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (cao gấp 9,1 lần so với lãi suất tối đa quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Thời gian vay từ

ngày 02/4/2022 đến ngày 10/6/2022 (70 ngày), T đã thu lời bất chính số tiền **31.164.384** đồng *(Ba mươi mốt triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố V.V.T về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. tội phạm được thực hiện theo lỗi cố ý. Khi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi cho vay tiền với lãi suất cao như vậy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng vì vụ lợi cá nhân vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Động cơ phạm tội là vụ lợi nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối Ci; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có bố đẻ là ông V.C.C là người có công với cách mạng, được hưởng chế độ nhiễm chất độc hóa học. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận xử phạt bị cáo mức án khởi điểm mà Viện kiểm sát đề nghị.

Do bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản có giá trị và do bị cáo mới thực hiện 01 lần nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 18/7/2022 Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện S.D đã trả lại cho anh V.V.K 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Innova biển số 30A - 242.80 loại xe 08 chỗ ngồi, màu sơn ghi bạc biển số 30A - 242.80 kèm theo 02 chìa khóa xe ô tô; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020031 ngày 09/09/2014 của xe ô tô 30A-242.80 mang tên Nguyễn Đình Nam; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5806277 của xe ô tô biển số 30A-242.80; 01 chứng minh nhân dân số 070863935 mang tên V.V.K; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 0120146 của xe ô tô biển số 30A-242.80 cấp ngày 16/01/2020; 01 giấy bán xe ô tô đề ngày 26/3/2021 giữa anh Lưu Thành Trung và V.V.K. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- 12 tờ giấy A4 in ảnh chụp màn hình điện thoại của V.V.K liên quan đến nội dung giao dịch vay tiền và trả lãi với V.V.T lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trắng, bên trong lắp 02 sim điện thoại, điện thoại bị vỡ phần kính sau lưng máy của V.V.T; 01 Căn cước công dân số 0080686006816 mang tên V.V.T. Hội đồng xét xử xác định là tài sản của bị cáo dùng để liên lạc hàng ngày nên trả lại cho bị cáo. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Khoản tiền 100.000.000đ bị cáo T cho V.V.K vay lãi nặng là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên số tiền này anh K mới trả được cho bị cáo 5.000.000đ, còn 95.000.000đ chưa trả cho bị cáo nên cần buộc anh K nộp lại ngân sách nhà nước. Quá trình điều tra anh K đã nộp cho cơ quan điều tra 60.000.000đ nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền trên, số tiền còn lại anh K phải nộp là 35.000.000đ. Truy thu của bị cáo số tiền gốc 5.000.000đ anh K đã trả cho bị cáo sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 35.000.000đ do bị cáo nộp, trong đó lãi vượt quá quy định là 31.164.384 đồng đây là khoản thu trái pháp luật nên cần trả lại cho anh V.V.K. Số tiền lãi thu trong mức quy định 3.835.616đ, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra còn xác định, nhiều lần V.V.T cho anh Ma Văn Duy, sinh năm 1996, cư trú tại thôn Yên Thượng, xã T.Y, huyện S.D, tỉnh T.Q vay số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; cho anh Ma Xuân K, cư trú tại thôn Rừng Vầu, xã Sơn Nam, huyện S.D, tỉnh T.Q vay số tiền từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Quang Doanh, sinh năm 1990, cư trú tại thôn Trung Long, xã T.Y, huyện S.D, tỉnh T.Q vay số tiền 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nhưng không tính lãi suất, là việc thỏa thuận cho vay dân sự không có hành vi vi phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với T.V.S, quá trình điều tra xác định Sỹ không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của T nên không đề cập xử lý.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106; Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

- Tuyên bố: Bị cáo **V.V.T** phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

1. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo V.V.T **07 (bẩy)** tháng Ci tạo không giam giữ. Thời hạn Ci tạo không giam giữ của bị cáo V.V.T được tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo V.V.T cho Ủy ban nhân dân xã T.T, huyện S.D, tỉnh T.Q giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền lãi thu theo quy định 3.835.616đ (do bị cáo nộp) và 60.000.000đ (tiền gốc do anh V.V.K nộp).

- Trả lại cho anh V.V.K số lãi thu vượt quá 31.164.384đ.

(Số tiền trên hiện đang trong tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S.D).

- Truy thu của bị cáo T 5.000.000đ và của anh V.V.K 35.000.000đ tiền gốc sung quỹ nhà nước.

- Lưu hồ sơ vụ án 12 tờ giấy A4 in ảnh chụp màn hình điện thoại của V.V.K liên quan đến nội dung giao dịch vay tiền và trả lãi với V.V.T.

- Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trắng, bên trong lắp 02 sim điện thoại, điện thoại bị vỡ phần kính sau lưng máy; 01 Căn cước công dân số 0080686006816 mang tên V.V.T. Nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/3/2022 giữa Cơ quan Cnh sát điều tra Công an huyện S.D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D*)

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án (đối với phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình) trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Minh Hùng - Phạm Văn Vượng	**Hoàng Thị Minh Khánh**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T.Q;*
- *VKSND tỉnh T.Q;*
- *VKSND huyện S.D;*
- *Công an huyện S.D;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;*
- *UBND xã T.T;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ